

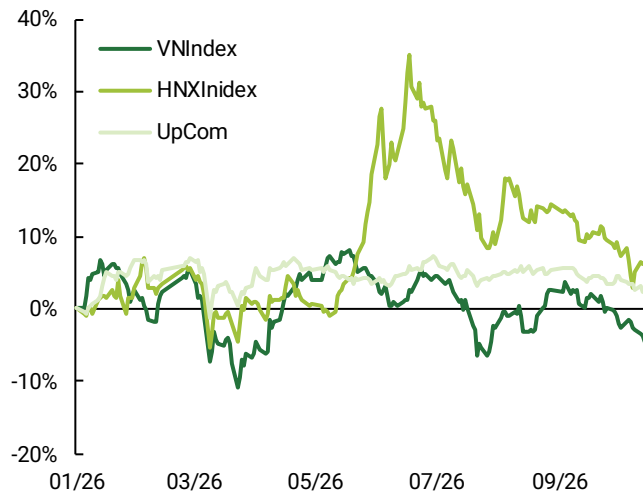
VN-Index **1704.87 (-0.85%)**
662 Tr. cổ phiếu 13871.4 Tỷ VND (4.79%)

HNX-Index **265.16 (0.34%)**
45 Tr. cổ phiếu 656.7 Tỷ VND (-6.57%)

UPCOM-Index **123.94 (0.07%)**
32 Tr. cổ phiếu 906.6 Tỷ VND (50.70%)

VN30F1M **1857.00 (-0.56%)**
133,529 HD OI: 24,480 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1704.9, giảm 14.6 điểm (-0.85%). Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số nổi bật đã giảm, chịu sức ép lớn từ nhóm Vin, trong khi nhóm vốn hóa nhỏ ghi nhận diễn biến khả quan hơn, nhưng mức phân hóa vẫn cao.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tài nguyên Cơ bản: HPG (+1.7%), HSG (+4.5%), NKG (+6.8%) | Công nghệ Thông tin: FPT (+1.4%) | Dịch vụ tài chính: VCI (+1.4%), TVS (+3.2%), FTS (+3.7%) | Bảo hiểm: MIG (+0.3%), BVH (+1.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.9%), VHM (-5.3%), NVL (-3.6%) | Du lịch và Giải trí: VPL (-3.3%), SCS (-2.0%) | Ngân hàng: SSB (-4.3%), LPB (-3.1%), STB (-1.5%) | Hóa chất: GVR (-2.9%), PHR (-1.8%), HII (-1.5%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | MBB, HPG, FPT, CTG, BVH - Chiều giảm | VIC, VHM, VPL, GVR, LPB.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 750 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VHM, FRT, trong khi mua ròng MBB, STB, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** nổi bật đã giảm và kết phiên với mẫu hình nến Bearish Engulfing, chịu sức ép lớn từ nhóm Vin. Dù nhóm vốn hóa nhỏ ghi nhận diễn biến khả quan nhưng mức phân hóa vẫn tương đối cao. Về kỹ thuật, mốc 1700 điểm là ngưỡng hỗ trợ quan trọng, nơi lực cầu bắt đáy có thể tham gia sau khi duy trì tâm lý chờ đợi trong các phiên giảm gần đây (thể hiện qua thanh khoản thấp). Phản ứng giằng co giữa cung cầu từ đó sẽ gia tăng mạnh hơn. Nếu lực cầu không đủ mạnh để giữ mốc 1700 điểm, chỉ số khả năng lùi về vùng hỗ trợ tiếp theo quanh 1650 điểm. Điểm tích cực là chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá bán, tạo điều kiện cho nhịp hồi kỹ thuật, khi đó vùng 1740-1750 điểm sẽ là kháng cự gần.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co quanh ngưỡng kỹ thuật 265 điểm. Dù vậy, vận động đang chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động ở mã THD, do đó, rung lắc mạnh khả năng vẫn còn tiếp diễn.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh tín hiệu ngắn hạn chưa cải thiện và VN-Index đang tiến sát vùng hỗ trợ 1700 điểm, nhà đầu tư nên giữ bình tĩnh, tránh phản ứng quá mức trước các nhịp giảm. Theo dõi sát diễn biến cung cầu tại vùng này để đánh giá khả năng cân bằng của thị trường. Chiến lược ưu tiên vẫn là thận trọng, hạn chế mua mới, tận dụng các nhịp hồi để cơ cấu những vị thế đã mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng, đồng thời chỉ ưu tiên nắm giữ các mã còn giữ được cấu trúc xu hướng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,704.9	▼	-0.8%	-2.8%	-4.7%	13,871.4	▲	4.8%	-9.1%	-29.2%	661.7	▲	5.0%	10.5%	-19.9%			
HNX-Index	265.2	▬	0.3%	2.1%	-2.5%	656.7	▼	-6.6%	-23.2%	-1.6%	45.3	▼	-2.0%	-16.5%	10.3%			
UPCOM-Index	123.9	▬	0.1%	-1.0%	-1.3%	906.6	▲	50.7%	21.4%	97.1%	31.6	▲	22.5%	6.8%	48.7%			
VN30	1,852.4	▼	-0.5%	-2.2%	-3.9%	8,136.5	▼	-0.8%	-12.4%	-22.1%	250.1	▼	-6.9%	-4.1%	-25.7%			
VNMID	1,789.0	▼	-0.1%	-1.4%	-2.9%	4,839.4	▲	16.0%	-2.0%	-28.1%	274.1	▲	15.3%	4.3%	-27.4%			
VNSML	1,219.0	▬	0.1%	-0.5%	0.5%	641.0	▼	-4.5%	-23.9%	-68.3%	52.6	▲	12.6%	-18.6%	-43.7%			
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	608.7	▼	-0.2%	-0.77%	-1.7%	4,083.0	▼	-2.9%	-9.5%	-21.0%	197.6	▼	-8.7%	-14.4%	-16.7%			
Bất động sản	921.7	▼	-2.3%	-5.6%	-10.2%	2,301.6	▲	19.9%	-13.1%	-15.6%	81.3	▼	-3.0%	-26.7%	-20.0%			
Dịch vụ tài chính	245.1	▬	0.2%	-2.2%	-8.1%	1,543.3	▲	35.6%	0.7%	-9.9%	91.6	▲	28.5%	-1.6%	-8.0%			
Công nghiệp	228.9	▼	-1.6%	-3.2%	6.2%	681.1	▲	18.4%	-14.4%	-34.7%	27.7	▲	26.9%	-12.7%	-30.0%			
Tài nguyên cơ bản	462.0	▲	1.8%	2.2%	-0.1%	743.2	▲	83.3%	26.9%	30.2%	44.7	▲	94.6%	31.5%	40.5%			
Xây dựng - Vật Liệu	150.7	▬	0.1%	-1.2%	2.0%	296.2	▲	17.1%	-11.5%	-18.8%	18.8	▲	11.6%	-15.1%	-17.7%			
Thực phẩm	489.9	▬	0.1%	-1.2%	0.4%	1,285.7	▲	15.4%	-56.6%	-15.5%	46.4	▲	89.9%	11.2%	49.9%			
Bán Lẻ	1,422.0	▼	-0.9%	-3.0%	7.9%	833.6	▼	-26.1%	6.4%	24.8%	10.1	▼	-31.3%	1.7%	6.2%			
Công nghệ	339.7	▲	1.3%	-4.1%	-12.6%	486.0	▲	6.2%	-5.0%	1.0%	9.1	▲	2.4%	-4.7%	1.6%			
Hóa chất	165.9	▼	-1.6%	-4.9%	3.7%	279.7	▲	16.8%	-10.7%	-25.4%	10.4	▲	7.1%	-11.5%	-29.6%			
Tiện ích	737.6	▬	0.0%	-0.1%	-2.7%	187.7	▼	-9.7%	-19.7%	-35.8%	8.9	▲	8.9%	-11.6%	-28.3%			
Dầu khí	116.5	▼	-0.2%	-3.8%	4.3%	618.5	▼	-34.9%	-29.53%	-24.6%	27.5	▼	-32.7%	-23.0%	-9.5%			
Dược phẩm	385.7	▼	-0.4%	-0.3%	1.6%	24.6	▲	31.6%	2.9%	-71.4%	0.9	▲	5.2%	-13.4%	-71.7%			
Bảo hiểm	115.9	▲	1.6%	0.4%	10.0%	52.4	▼	-17.2%	-15.1%	-35.5%	0.7	▼	-25.9%	-23.7%	-43.2%			

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,704.9 ▼	-0.85%	-4.5%	13.1x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,576 ▬	0.26%	25.1%	14.9x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	5,943 ▬	0.29%	-31.3%	13.2x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,143 ▬	0.30%	-1.3%	14.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,617 ▼	-1.48%	-7.2%	8.5x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,767 ▼	-0.89%	-5.1%	16.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,314 ▼	-0.13%	-5.1%	12.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	67,744 ▼	-0.05%	34.6%	21.5x	2.9x
S&P 500	Mỹ	7,805 ▼	-0.02%	14.0%	26.8x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,670 ▼	-0.35%	7.5%	22.6x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,684 ▬	0.31%	7.6%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,202 ▬	0.56%	7.1%	16.7x	2.4x
DXV		102.3 ▼	-0.33%	4.0%		
USDVND		25,892 ▼	-0.093%	-1.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

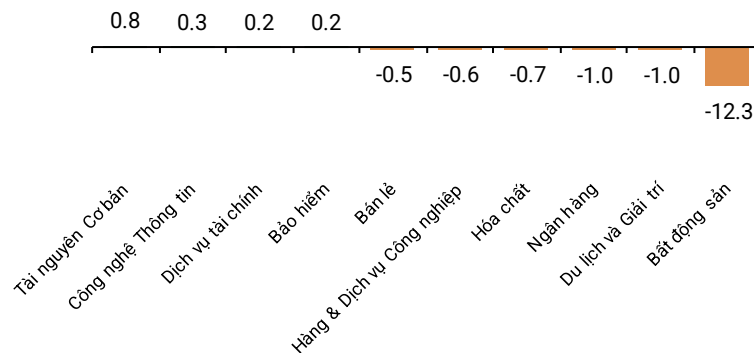
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.91%	0.9%	75.3%	70.9%
Dầu WTI	▲	1.40%	-5.8%	66.2%	62.6%
Khí gas	▬	0.4%	13.8%	-10.6%	8.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-9.3%	34.7%	34.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-1.4%	0.2%	-1.6%
PVC (*)	▲	1.1%	0.7%	7.6%	5.8%
Phân Urea	▬	0.0%	-5.3%	16.3%	14.0%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.3%	8.5%	43.7%	51.8%
Bông Cotton	▬	0.5%	0.4%	26.0%	27.5%
Đường	▼	-0.6%	15.5%	39.8%	32.1%
World Container Index	▬	0.0%	-2.8%	96.6%	163.6%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.1%	84.9%	506.4%	594.4%
Vàng	▼	-0.40%	-3.6%	-4.1%	0.0%
Bạc	▼	-0.97%	-7.4%	-18.3%	13.9%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



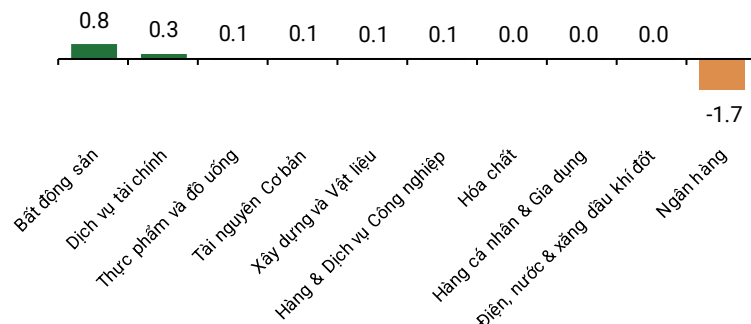
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.11 (DCM)	-0.39 (STB)
+0.12 (VIB)	-0.40 (MWG)
+0.12 (MSB)	-0.40 (BID)
+0.13 (HDB)	-0.50 (SSB)
+0.18 (MSN)	-0.56 (GEE)
+0.21 (BVH)	-0.74 (LPB)
+0.24 (CTG)	-0.79 (GVR)
+0.31 (FPT)	-0.96 (VPL)
+0.61 (HPG)	-5.77 (VHM)
+0.62 (MBB)	-5.78 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+8 (PVT)	-32 (VNM)
+9 (LPB)	-33 (GEE)
+10 (GEL)	-42 (ACB)
+16 (BVH)	-62 (FUEKIV30)
+17 (VPI)	-63 (VPB)
+18 (MSN)	-63 (TCB)
+21 (HDB)	-67 (FPT)
+29 (HPG)	-94 (FRT)
+44 (STB)	-152 (VHM)
+100 (MBB)	-153 (VIC)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



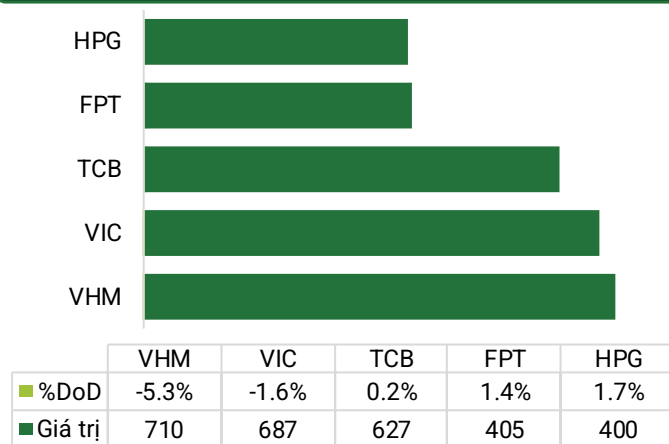
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.04 (PVI)	-0.02 (PLC)
+0.05 (LAS)	-0.03 (CDN)
+0.07 (VCS)	-0.03 (SHN)
+0.07 (CEO)	-0.04 (NTP)
+0.08 (OCH)	-0.04 (VNR)
+0.10 (KSV)	-0.04 (PTI)
+0.11 (IPA)	-0.05 (KSF)
+0.16 (SHS)	-0.13 (BAB)
+0.17 (MBS)	-0.15 (IDC)
+0.95 (THD)	-1.53 (NVB)

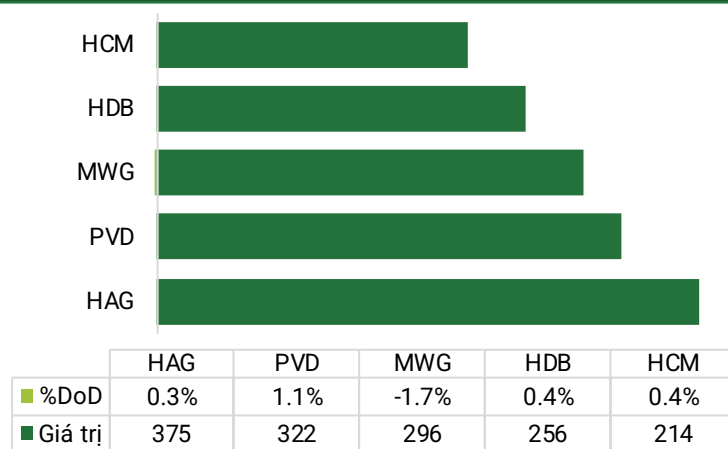
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.2 (VC3)	-0.0 (VC7)
+0.4 (C69)	-0.0 (UNI)
+0.4 (TNG)	-0.1 (PVI)
+0.8 (NTP)	-0.1 (THD)
+1.2 (MBG)	-0.1 (MST)
+1.4 (CEO)	-0.2 (BVS)
+2.0 (PPE)	-0.4 (KSF)
+2.8 (MBS)	-0.5 (HUT)
+3.2 (NVB)	-12.2 (IDC)
+10.5 (SHS)	-12.6 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

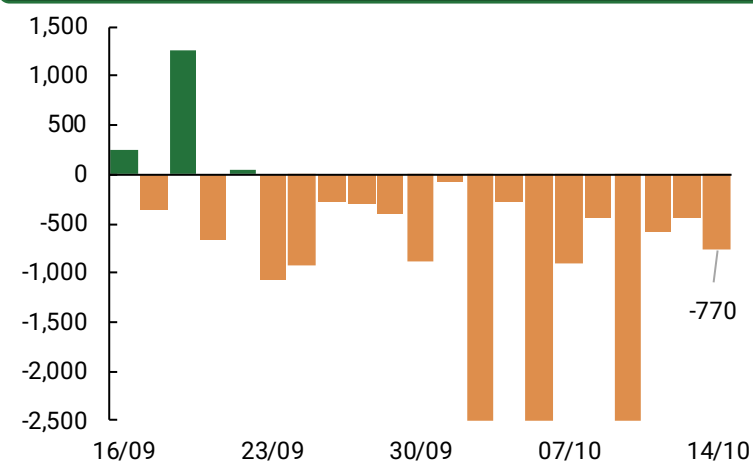


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

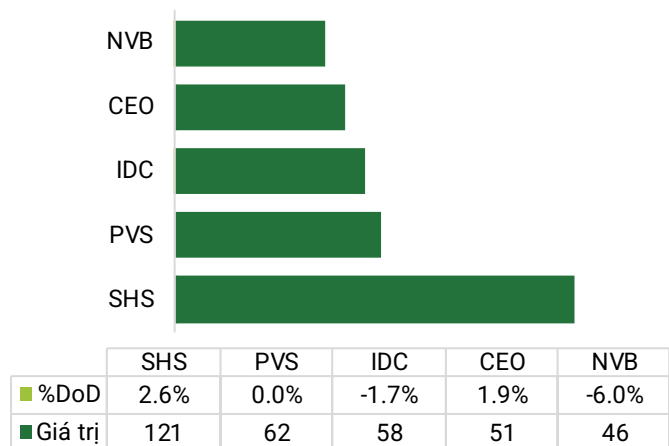


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

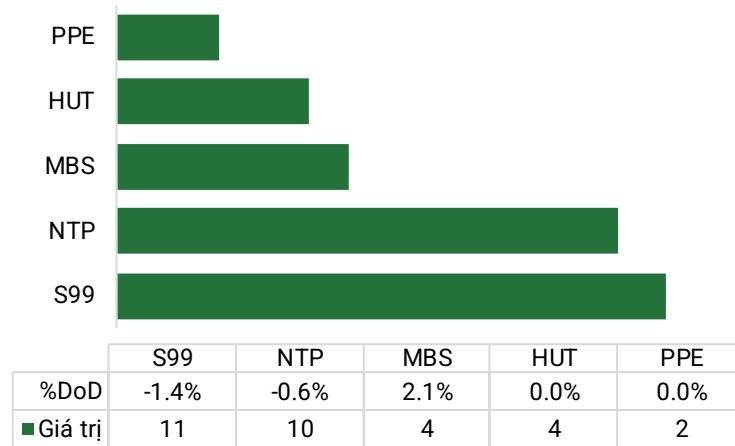
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



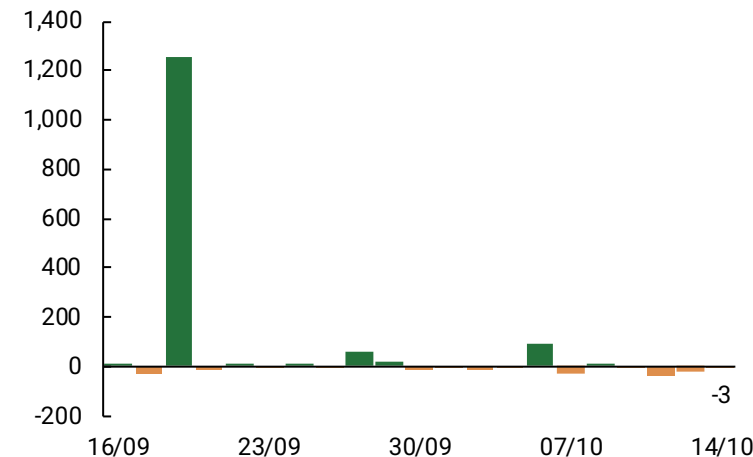
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Bearish Engulfing, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 | 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 | 1820.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Sắc đỏ tiếp tục chi phối vận động. Mốc kỹ thuật có thể khởi xướng phản ứng kiểm định quanh vùng 1700 điểm, nơi lực cầu bắt đáy mới thực sự phát huy. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI tiếp cận vùng quá bán có thể hỗ trợ cho kịch bản phục hồi kỹ thuật. Tuy nhiên, nếu tiếp tục phá vỡ, ngưỡng hỗ trợ cần chú ý tiếp theo là khu vực 1650 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần trong chiều hồi phục giờ là ngưỡng 1750 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1840
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1950.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số tiếp tục vận động trong kênh điều chỉnh. Dù vậy, chỉ báo RSI đang gần tiếp cận vùng quá bán 30 có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật kiểm định lại ngưỡng 1870 điểm. Trong trường hợp nỗ lực phục hồi thất bại, đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1800 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	GVR	Mua	30/09/2026	-	31.4	32.7 - 33.3	-4.8%	36.5	10.6%	31	-6.1%	
2	PVS	Mua	08/10/2026	-	33	34 - 34.5	-3.6%	38	10.9%	32	-6.6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1857.0, giảm 10.5 điểm (-0.6%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì dưới đường tín hiệu cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Dù vậy, RSI đang gần tiếp cận mức quá bán, có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật trong pha giảm. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1866. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1853
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1750.1, giảm 9.2 điểm (-0.5%). Độ lệch basis 5.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 39 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1740 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1760 điểm.

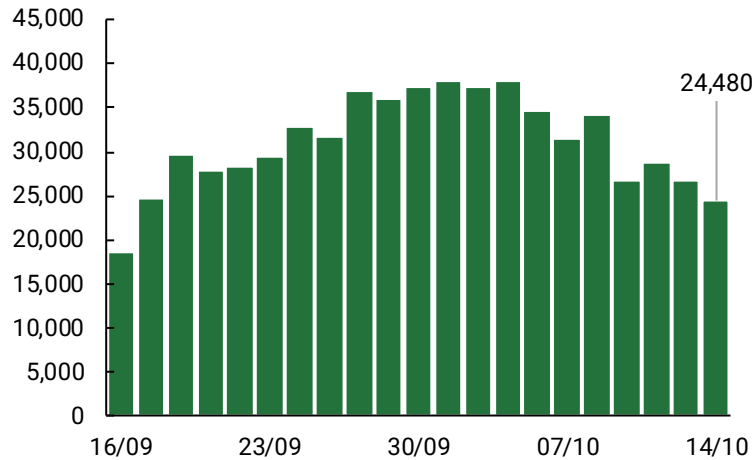
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1853	1840	1860	13 : 7
Long	> 1866	1879	1859	13 : 7

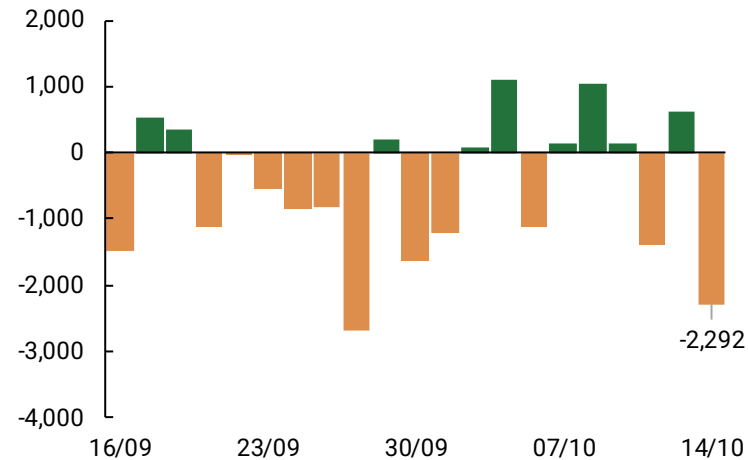
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,855.9	-7.2	125	387	1,865.9	-10.0	18/03/2027	155
4111GC000	1,856.8	-8.7	71	685	1,858.0	-1.2	17/12/2026	64
4111GB000	1,855.1	-10.8	8,484	9,126	1,855.6	-0.5	19/11/2026	36
4111GA000	1,857.0	-10.5	133,529	24,480	1,852.5	4.5	15/10/2026	1
4112GA000	1,750.1	-9.2	39	64	1,744.9	5.2	15/10/2026	1

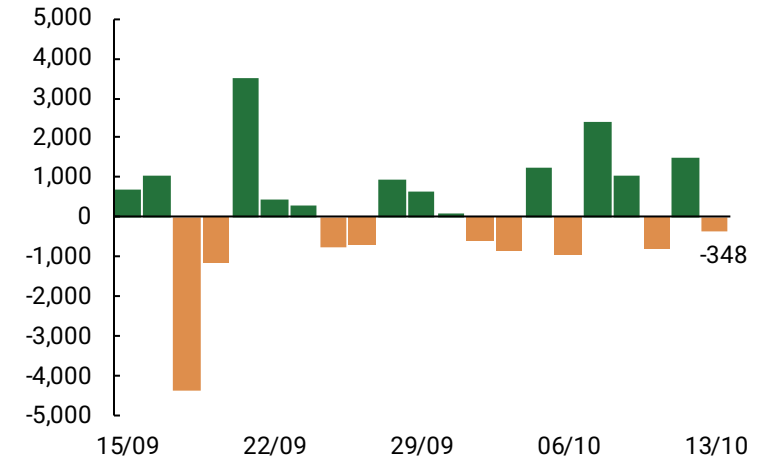
Khối lượng mở (Open interest)



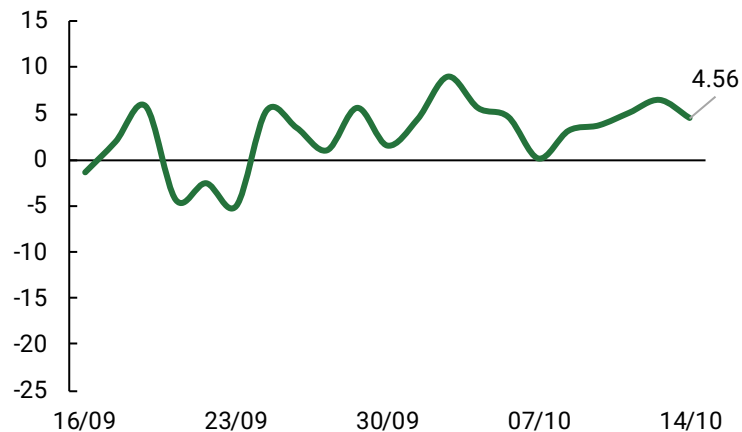
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



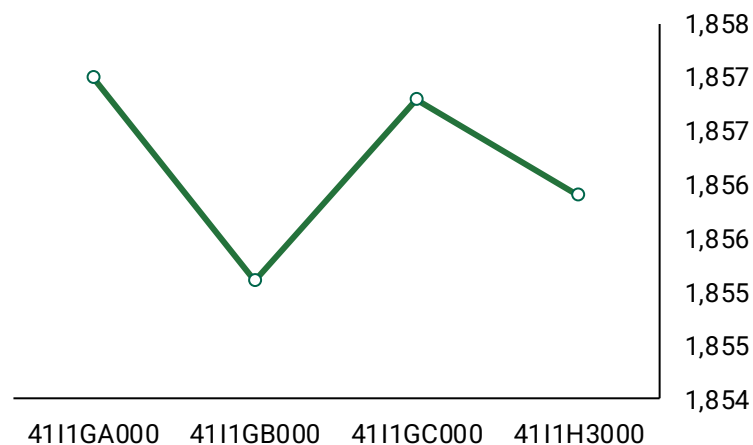
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



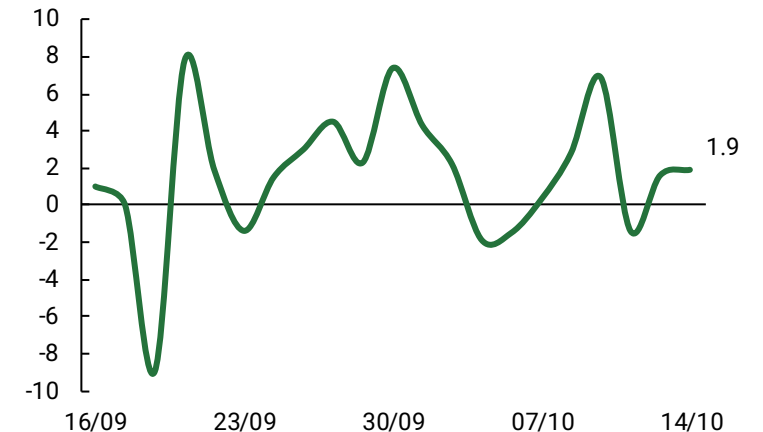
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN: Dự nợ tín dụng bất động sản đạt 5.21 triệu tỷ đồng, tín dụng kinh doanh bất động sản tăng 19.59%: Tại phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Ngọc Cảnh cho biết đến 31/8, dự nợ tín dụng bất động sản đạt 5.21 triệu tỷ đồng, tăng 9.49% so với cuối năm 2025 và chiếm 25.39% dự nợ toàn nền kinh tế. Trong đó, tín dụng kinh doanh bất động sản tăng 19.59%, còn tín dụng tiêu dùng, tự sử dụng bất động sản tăng 1.02%.

Bộ Công Thương đề xuất doanh nghiệp tự quyết giá xăng dầu, công bố giá mới trước ít nhất 30 phút: Tại dự thảo lần thứ 14 Nghị định về kinh doanh xăng dầu, Bộ Công Thương đề xuất bỏ cơ chế Nhà nước công bố giá cơ sở định kỳ; doanh nghiệp đầu mối và thương nhân phân phối tự quyết định giá bán, kê khai và kết nối dữ liệu để cơ quan quản lý giám sát. Doanh nghiệp đầu mối phải công khai thời điểm áp dụng giá mới trước ít nhất 30 phút, ghi rõ giờ, phút có hiệu lực.

Singapore: GDP quý 3/2026 tăng 5.4% YoY, cao hơn dự báo: Theo số liệu sơ bộ công bố ngày 14/10, GDP quý 3/2026 của Singapore tăng 5.4% YoY, cao hơn mức dự báo 5.1% của khảo sát Bloomberg nhưng thấp hơn mức 6.2% của quý 2; so với quý trước, kinh tế tăng 1.1%. Ngành sản xuất tăng 7.5% YoY, chậm lại so với mức 12.9% của quý 2.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

POW - PV Power ước doanh thu 9 tháng hơn 46,100 tỷ đồng, tăng 77% YoY: Tại hội nghị sơ kết 9 tháng 2026, PV Power cho biết sản lượng điện ước đạt 18.954 tỷ kWh, vượt 19% kế hoạch 9 tháng và tăng 41% YoY; doanh thu ước hơn 46,100 tỷ đồng (+77%), sau khi đưa Nhơn Trạch 3&4 vào vận hành thương mại. Vũng Áng 1 đóng góp sản lượng lớn nhất với 5.709 tỷ kWh (+20%), tiếp theo là Cà Mau 1&2 (4.245 tỷ kWh) và Nhơn Trạch 3&4 (3.757 tỷ kWh).

MWG - Thế Giới Di Động đạt doanh thu thuần 9 tháng 147,953 tỷ đồng, tăng 30% YoY: MWG công bố doanh thu thuần 9 tháng 2026 đạt 147,953 tỷ đồng (+30% YoY), hoàn thành 80% kế hoạch năm; riêng quý 3 ước đạt 52,648 tỷ đồng (+32%). Khối Điện Máy Xanh đạt gần 99,200 tỷ đồng (+29%) với SSSG 30%; Bách Hóa Xanh đạt 45,900 tỷ đồng (+gần 34%), trong đó các cửa hàng mở mới năm 2026 đã có lợi nhuận hoạt động dương ở cấp độ cửa hàng.

EIB - Cổ đông Eximbank thông qua bỏ trần sở hữu nước ngoài 6%, bầu Tổng Giám đốc vào HĐQT: Tại ĐHĐCĐ bất thường sáng 14/10, cổ đông Eximbank thông qua việc bãi bỏ quy định giới hạn tổng mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở 6% vốn điều lệ; tỷ lệ này sẽ áp dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng. Đại hội cũng bầu Tổng Giám đốc Phạm Thị Huyền Trang vào HĐQT.

PNJ - HĐQT PNJ giảm 50% thù lao, đặt mục tiêu tối ưu 25–30% chi phí nhân sự: Trong chương trình tái thiết, HĐQT PNJ chủ động giảm 50% thù lao, đồng thời rà soát cơ cấu tổ chức với mục tiêu tối ưu 25–30% chi phí nhân sự từ cuối năm 2026 đến năm 2027; mạng lưới bán lẻ dự kiến đóng 25–30 cửa hàng và mở mới khoảng 10 cửa hàng. Trong tháng 7 và 8/2026, PNJ lỗ sau thuế 61 tỷ đồng so với mức lãi 325 tỷ đồng cùng kỳ.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	30,100	31,150	3.5%	Nắm giữ
CTG	29,550	40,700	37.7%	Mua
CTD	63,600	82,900	30.3%	Mua
DBD	45,750	66,000	44.3%	Mua
DDV	17,008	35,900	111.1%	Mua
DGW	45,500	46,500	2.2%	Nắm giữ
DPG	27,050	42,300	56.4%	Mua
DPR	37,400	46,500	24.3%	Mua
DRI	15,725	17,200	9.4%	Nắm giữ
EVF	11,400	14,400	26.3%	Mua
FRT	140,600	151,000	7.4%	Nắm giữ
GMD	53,000	92,400	74.3%	Mua
HAH	48,350	58,300	20.6%	Mua
HDG	14,700	30,900	110.2%	Mua
HHV	9,040	11,700	29.4%	Mua
HPG	20,800	28,700	38.0%	Mua
IMP	36,600	54,400	48.6%	Mua
KDH	13,500	35,300	161.5%	Mua
MCH	140,900	146,500	4.0%	Nắm giữ
MWG	73,500	115,600	57.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,350	27,500	42.1%	Mua
NLG	21,200	39,400	85.8%	Mua
NT2	23,100	27,700	19.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	32,200	39,500	22.7%	Mua
PNJ	18,650	75,500	304.8%	Mua
PVS	33,000	33,250	0.8%	Nắm giữ
PVT	24,700	26,000	5.3%	Nắm giữ
POW	12,450	17,500	40.6%	Mua
SAB	43,000	54,900	27.7%	Mua
SSI	18,900	31,200	65.1%	Mua
TLG	55,500	50,000	-9.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	33,000	41,700	26.4%	Mua
TCM	14,700	35,300	140.1%	Mua
TRC	24,250	22,950	-5.4%	Giảm tỷ trọng
VCB	56,300	79,700	41.6%	Mua
VPB	24,350	28,960	18.9%	Tăng tỷ trọng
VCG	14,200	23,300	64.1%	Mua
VHC	50,800	58,000	14.2%	Tăng tỷ trọng
VNM	57,900	66,650	15.1%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415